

DỰ BÁO XU HƯỚNG THỊ TRƯỜNG

Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 24/5/2024	●	
Tuần 20/5-24/5/2024	●	
Tháng 05/2024	●	

THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

VN-Index giằng co trong vùng 1,260 – 1,270 cả ngày trước khi bật tăng từ giữa phiên chiều và đóng cửa tại mốc 1,281.03 điểm, tăng hơn 14 điểm so với hôm qua. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 15/18 ngành tăng điểm, trong đó ngành Bảo hiểm, Dầu khí dẫn đầu đà tăng,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng nhẹ trên sàn HNX. Hiện tại, VN-Index vẫn chưa thể vượt qua hần ngưỡng kháng cự 1,280, và phiên tăng điểm hôm nay cũng có thanh khoản giảm so với phiên trước. Xu hướng giao dịch rung lắc tại vùng giá cao vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc. VN-Index cần một cây nến chỉ hướng cùng với thanh khoản đáng kể.

HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2407,

CHỨNG QUYỀN

Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.

ĐIỂM NHẤN

- VN-Index **+14.12** điểm, đóng cửa tại **1281.03** điểm. HNX-Index **+1.76** điểm, đóng cửa tại **246.91** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **GAS (+1.92)**, **HPG (+1.54)**, **PLX (+0.86)**, **MSN (+0.68)**, **SAB (+0.65)**.
- Kéo chỉ số giảm: **BID (-0.41)**, **VND (-0.20)**, **FPT (-0.15)**, **VRE (-0.08)**, **DXS (-0.04)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **20,830** tỷ đồng, giảm **-14.16%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 23,257 tỷ đồng.
- Biên độ dao động: 18.74 điểm. Thị trường có **278** mã tăng, 65 mã tham chiếu, **152** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **69.83** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DBC (98.46 tỷ)**, **MWG (80.91 tỷ)**, **HPG (80.08 tỷ)**, **PC1 (77.75 tỷ)**, **FUEVFVND (61.35 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **0.49** tỷ đồng.

DIỄN BIẾN BSC30, BSC50

- BSC30 **+0.16%**. Các mã diễn biến tích cực: **GAS (+4.31%)**, **HPG (+3.69%)**, **MSN (+2.57%)**.
- BSC50 **-0.10%**. Các mã diễn biến tích cực: **PLC (+7.12%)**, **PLX (+6.90%)**, **QNS (+5.31%)**.

Hiệu suất các chỉ số

	BSC30	BSC50	VN Index	VN30 Index
1 ngày	0.16%	-0.10%	-0.03%	-0.30%
1 tuần	2.78%	4.04%	2.76%	2.76%
1 tháng	-0.11%	0.31%	-0.43%	-0.59%
3 tháng	4.49%	-0.12%	0.90%	2.96%

Tổng quan thị trường trong nước

	VNI	HNX	UPCOM
Điểm	1,281.03	246.91	95.17
% 1D	1.11%	0.72%	0.50%
GTGD (tỷ VND)	20,830	2,129	1,719
%1D	-14.16%	-20.10%	-2.41%
GDNN (tỷ VND)	-856.92	21.83	-922.29

Chi tiết giao dịch khối ngoại

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
NLG	62.07	VHM	-126.96
HCM	48.67	VIC	-113.13
DBC	40.87	HPG	-81.10
PDR	40.26	VNM	-79.39
NVL	38.18	FPT	-76.32

Thị trường thế giới

		%D	%W
SPX	5,307	-0.27%	-0.02%
FTSE100	8,373	0.03%	-0.78%
Eurostoxx	5,048	0.46%	-0.58%
Shanghai	3,116	-1.33%	-0.19%
Nikkei	39,112	1.28%	0.49%

Nguồn: Bloomberg

Hàng hóa

	Giá trị	%
Giá dầu Brent	81.67	-0.06%
Giá vàng	2,367	-0.94%

Tỷ giá

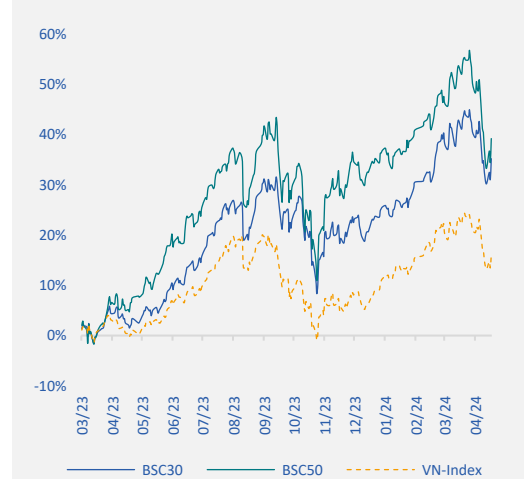
USD/VND	25,470	0.02%
EUR/VND	28,315	-0.29%
JPY/VND	166	-0.60%

Lãi suất

LS TPCP 10Y	3.0%	0.07%
LS LNH 1M	4.7%	

Nguồn: BSC tổng hợp

Hiệu suất BSC30, BSC50



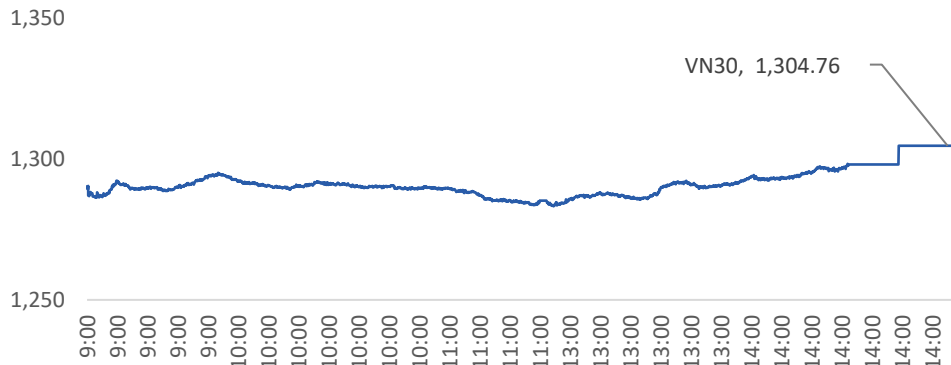
Nguồn: BSC tổng hợp

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Thị trường phái sinh	Trang 2
Thống kê thị trường	Trang 3
Danh mục BSC30	Trang 4
Danh mục BSC50	Trang 5
Báo cáo mới nhất	Trang 6
Khuyến cáo sử dụng	Trang 7

THỊ TRƯỜNG HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: BSC Research

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày (%)	KLGD	± Ngày (%)	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2409	1300	0.54%	50	-54.55%	9/19/2024	119
VN30F2412	1301	0.75%	19	-36.7%	12/19/2024	210
VN30F2407	1288.1	-0.42%	451	10.54%	7/18/2024	56
VN30F2406	1300	0.60%	240848	3.23%	6/20/2024	28

Nguồn: FiinproX, BSC Research

Nhận định

- VN30 +13.30 điểm, đóng cửa tại 1304.76 điểm. Biên độ dao động 21.50 điểm. Các cổ phiếu như HPG, ACB, MSN, MWG, STB tác động tích cực đến nhịp vận động của VN30.
- Bật tăng cuối phiên. Thanh khoản thị trường nằm trên đường MA20. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.
- Các HĐTL tăng theo nhịp vận động của VN30, ngoại trừ VN30F2407, Xét về khối lượng, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412, Xét về vị thế mở, các HĐTL đều tăng, ngoại trừ VN30F2409, VN30F2412,

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành*	Giá CQ*	± Ngày	Giá Lý thuyết *	Giá hòa vốn*	Giá thực hiện*	Giá CKCS*
CVHM2313	10/9/2024	139	73,300	31.69%	50.00	340	-2.9%	0.08	53.40	40.55	40.55
CPOW2306	6/26/2024	34	16,100	39.39%	16.00	50	0.0%	0.00	16.10	11.55	11.55
CVNM2314	10/7/2024	137	1,141,100	31.06%	85.15	340	3.0%	0.04	87.81	67.00	67.00
CVNM2315	1/6/2025	228	56,900	37.79%	87.11	1,330	2.3%	0.19	92.32	67.00	67.00
CVRE2313	8/5/2024	74	6,800	31.74%	29.50	200	0.0%	0.04	30.30	23.00	23.00
CVHM2317	10/7/2024	137	34,900	34.41%	52.35	270	-3.6%	0.06	54.51	40.55	40.55
CVIC2314	1/6/2025	228	1,050,400	32.31%	54.57	1,140	-7.3%	0.38	60.27	45.55	45.55
CVRE2320	1/6/2025	228	77,800	47.97%	32.33	850	-2.3%	0.28	34.03	23.00	23.00
CVPB2317	7/5/2024	43	83,300	19.56%	21.72	110	0.0%	0.03	22.12	18.50	18.50
CVRE2315	10/9/2024	139	620,600	37.74%	30.00	210	-4.5%	0.05	31.68	23.00	23.00
CVNM2310	8/9/2024	78	183,100	19.64%	78.40	180	5.9%	0.03	80.16	67.00	67.00
CVHM2401	6/19/2024	27	60,900	10.38%	43.00	440	-2.2%	0.14	44.76	40.55	40.55
CVNM2306	6/26/2024	34	5,500	9.29%	71.71	160	6.7%	0.06	73.23	67.00	67.00
CVRE2319	10/7/2024	137	35,900	41.64%	31.78	200	0.0%	0.06	32.58	23.00	23.00
CVRE2318	7/5/2024	43	81,100	36.00%	31.00	70	-12.5%	0.00	31.28	23.00	23.00
CSTB2331	7/5/2024	43	200	24.16%	35.00	90	80.0%	0.03	35.45	28.55	28.55
CVHM2311	8/5/2024	74	215,200	50.68%	60.50	120	0.0%	0.00	61.10	40.55	40.55
CNVL2305	6/26/2024	34	49,400	23.88%	17.00	210	-16.0%	0.01	17.84	14.40	14.40
CVIC2306	6/26/2024	34	1,100	39.24%	62.22	150	0.0%	0.00	63.42	45.55	45.55
CVHM2307	6/26/2024	34	123,700	55.13%	62.67	30	-25.0%	0.00	62.91	40.55	40.55

Chú thích: Các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất
Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

*: Đơn vị 1,000 VND
Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

- Trong phiên giao dịch ngày 23/05/2024, các chứng quyền biến động theo nhịp hồi phục của cổ phiếu cơ sở.
- CSTB2331 có mức tăng trưởng tốt nhất, ở mức 80.00%. CMWG2313 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 29.37%.
- CVHM2307, CVHM2311, CVRE2320, CVHM2318, và CVRE2308 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời.
- CTCB2401, CFPT2310, CFPT2316, CTCB2312, và CFPT2318 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Nguyen Giang Anh

anhng@bsc.com.vn

Top CP tác động tích cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
HPG	29.50	3.69%	3.37
ACB	28.45	1.79%	1.72
MSN	75.80	2.57%	1.35
MWG	62.00	1.64%	1.15
STB	28.55	1.96%	1.02

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top CP tác động tiêu cực VN30

	Giá	±Giá (%)	Điểm
FPT	137.50	-0.36%	-0.52
VRE	23.00	-0.65%	-0.13
BID	49.50	-0.60%	-0.07
BCM	64.20	1.74%	0.04
VIC	45.55	0.11%	0.06

THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
GAS	79.90	4.31%	1.92	2.30
HPG	29.50	3.69%	1.54	5.81
PLX	40.30	6.90%	0.86	1.27
MSN	75.80	2.57%	0.68	1.43
SAB	59.50	3.48%	0.65	1.28

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BID	49.50	-0.60%	-0.41	5.70
VND	20.60	-3.29%	-0.20	1.22
FPT	137.50	-0.36%	-0.15	1.27
VRE	23.00	-0.65%	-0.08	2.27
DXS	7.70	-3.39%	-0.04	0.58

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
NTP	59.20	9.83%	0.55	0.13
PVI	54.90	3.58%	0.33	0.23
PVS	45.80	1.78%	0.28	0.48
HUT	18.60	2.20%	0.26	0.89
BVS	46.40	8.67%	0.21	0.07

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
BAB	12.40	-2.36%	-0.19	0.90
KSV	33.80	-3.43%	-0.17	0.20
IPA	14.40	-3.36%	-0.08	0.21
EVS	7.70	-2.53%	-0.02	0.16
VGS	35.90	-1.64%	-0.02	0.05

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
VAF	14.30	6.99%	0.01	0.02
ASP	4.30	6.98%	0.00	0.21
PLP	4.60	6.96%	0.01	0.14
BVH	41.70	6.95%	0.56	2.69
BMI	24.45	6.95%	0.05	1.36

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CLW	37.00	-6.89%	-0.01	0.00
SMA	10.20	-6.86%	0.00	0.01
LEC	6.00	-4.17%	0.00	0.00
NHA	29.60	-3.89%	-0.01	1.85
VNG	8.69	-3.80%	-0.01	0.01

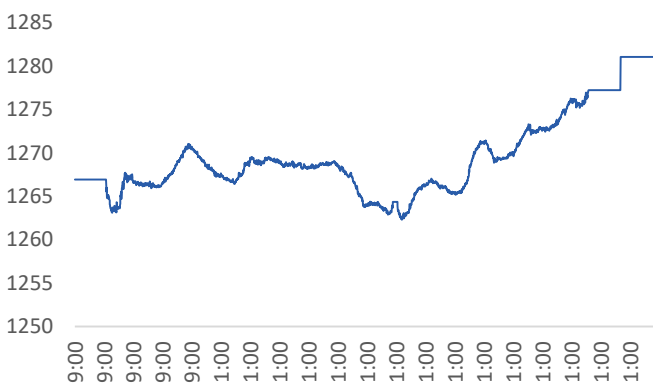
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
CSC	32.50	9.85%	0.41	0.33
NTP	53.90	9.83%	2.83	0.76
ARM	30.80	9.73%	0.04	0.00
API	7.90	8.86%	0.24	3.61
BVS	42.70	8.67%	1.09	1.33

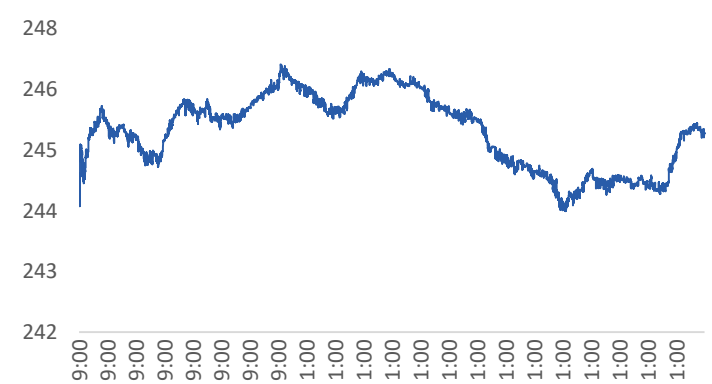
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

	Giá	%	Index pt	KLGD (Tr.CP)
DC2	10.00	-10.00%	-0.03	0.00
NHC	33.00	-10.00%	-0.03	0.00
BXH	26.60	-9.77%	-0.03	0.05
ATS	13.70	-9.49%	-0.02	0.00
SFN	21.70	-7.37%	-0.02	0.00

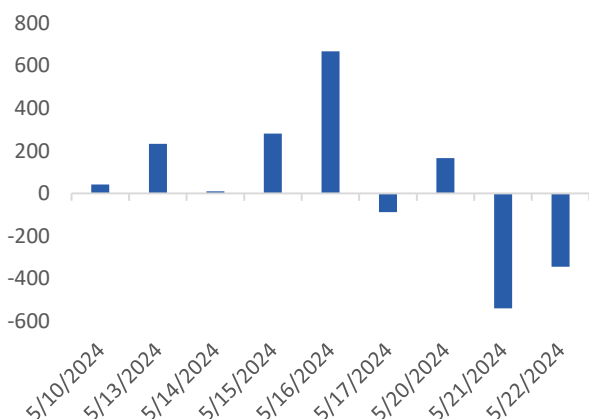
Hình 1
HSX-Index Intraday



Hình 2
HNX-Index Intraday

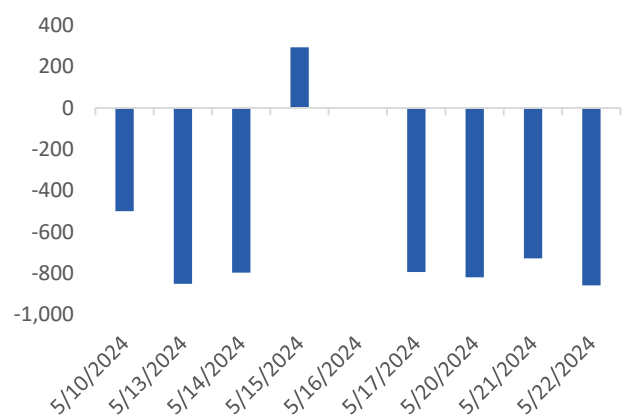


Hình 3
Giao dịch tự doanh



Nguồn: FiinProX, BSC Research

Hình 4
Giao dịch khối ngoại



Nguồn: FiinProX, BSC Research

DANH MỤC BSC30

Mã	Ngành	Đóng cửa (1,000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tải báo cáo
VCB	Ngân hàng	91.0	0.30%	0.6	19,976	4.7	5,838	15.6	-	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	49.5	-0.60%	1.0	11,082	3.5	3,841	12.9	-	17.2%	Link
VPB	Ngân hàng	18.5	1.10%	1.0	5,765	6.8	1,397	13.2	-	27.4%	Link
TCB	Ngân hàng	46.5	0.20%	1.1	6,433	13.2	5,600	8.3	-	22.3%	Link
MBB	Ngân hàng	22.8	-1.70%	1.0	4,734	11.7	3,818	6.0	26,600	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	28.6	2.00%	1.0	2,114	12.0	4,206	6.8	-	23.3%	Link
CTG	Ngân hàng	33.2	0.80%	1.2	7,013	7.3	3,751	8.9	-	297.0%	Link
ACB	Ngân hàng	28.4	1.80%	0.8	4,340	11.7	4,072	7.0	-	30.0%	Link
SSI	Chứng khoán	36.7	0.70%	1.3	2,175	24.0	1,704	21.5	-	43.9%	Link
IDC	Xây dựng	64.0	0.60%	1.2	830	8.0	5,880	10.9	65,700	23.0%	Link
HPG	VLXD	29.5	-5.80%	1.2	6,737	43.9	1,601	18.4	41,500	25.4%	Link
HSG	VLXD	22.4	1.80%	1.6	541	12.8	1,423	15.7	-	20.0%	Link
VHM	BĐS	40.6	0.50%	1.1	6,935	10.2	5,074	8.0	108,300	17.8%	Link
KDH	BĐS	37.0	1.00%	1.4	1,160	3.9	726	50.9	44,500	39.9%	Link
NLG	BĐS	45.9	1.80%	1.5	694	5.8	1,040	44.1	-	49.3%	Link
DGC	Hóa chất	127.6	1.40%	1.5	1,903	16.8	7,845	16.3	115,000	19.3%	Link
DCM	Phân bón	39.1	0.90%	1.3	813	7.8	2,313	16.9	46,100	9.2%	Link
GAS	Dầu khí	79.9	4.30%	0.6	7,208	12.5	4,688	17.0	-	2.2%	Link
PVS	Dầu khí	45.8	1.80%	0.9	860	13.1	1,992	23.0	-	20.8%	Link
PVD	Dầu khí	33.0	1.50%	1.2	720	7.8	1,200	27.5	38,400	17.6%	Link
POW	Dầu khí	11.6	1.80%	0.7	1,062	6.8	350	33.0	17,100	3.6%	Link
VHC	Thủy sản	76.7	1.10%	1.2	676	3.1	3,774	20.3	108,500	31.2%	Link
GMD	Logistics	85.5	1.80%	0.9	1,043	5.1	8,430	10.1	90,400	47.9%	Link
VNM	Bán lẻ	67.0	1.80%	0.6	5,500	7.9	4,408	15.2	93,100	51.1%	Link
MSN	Bán lẻ	75.8	2.60%	1.3	4,482	18.2	215	352.0	-	26.3%	Link
MWG	Bán lẻ	62.0	1.60%	1.5	3,561	21.6	717	86.4	-	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	98.1	0.00%	1.0	1,289	5.3	5,860	16.7	112,000	49.0%	Link
DGW	Bán lẻ	63.9	0.20%	1.9	419	5.1	2,200	29.0	66,600	23.8%	Link
FPT	Bán lẻ	137.5	-0.40%	0.9	6,858	19.6	5,335	25.8	107,900	49.0%	Link
CTR	Hạ tầng	131.6	1.90%	1.1	591	2.1	4,582	28.7	-	9.9%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.

DANH MỤC BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (1000 VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
HDB	Ngân hàng	24.7	1.40%	0.9	2,826	5.6	3,809	6.5	1.5	18.3%	25.4%
VIB	Ngân hàng	22.2	0.20%	1.2	2,217	3.2	3,315	6.7	1.5	20.5%	24.3%
TPB	Ngân hàng	18.3	0.80%	1.3	1,582	3.6	2,050	8.9	1.2	28.7%	13.7%
MSB	Ngân hàng	14.3	0.00%	1.2	1,123	2.0	2,310	6.2	0.9	29.6%	16.0%
EIB	Ngân hàng	18.5	1.60%	1.1	1,265	5.8	1,147	16.1	1.4	3.6%	10.1%
HCM	Chứng khoán	30.6	0.50%	1.6	847	7.8	1,175	26.1	2.5	32.5%	8.3%
VCI	Chứng khoán	50.0	0.00%	1.7	859	12.4	1,409	35.5	2.7	20.0%	7.1%
VND	Chứng khoán	20.6	-3.30%	1.6	985	30.7	2,057	10.0	1.5	19.6%	13.1%
BSI	Chứng khoán	59.9	0.50%	1.8	477	2.0	2,208	27.1	2.5	39.9%	9.0%
SHS	Chứng khoán	19.4	0.50%	1.7	620	16.2	1,076	18.0	1.5	9.8%	5.7%
CTD	Xây dựng	73.0	1.70%	1.2	286	4.0	2,709	26.9	0.9	45.0%	2.3%
HHV	Xây dựng	13.4	0.80%	1.5	216	2.9	833	16.0	0.6	8.4%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.2	1.70%	1.5	92	1.4	655	18.6	0.9	2.4%	4.6%
SZC	Xây dựng	42.9	1.30%	1.2	303	3.1	1,514	28.3	2.6	3.2%	13.4%
SIP	Xây dựng	91.5	1.10%	1.3	653	0.7	5,701	16.1	3.9	1.1%	26.9%
PHR	BĐS KCN	60.1	0.50%	1.1	320	1.1	3,448	17.4	2.1	18.1%	18.3%
DIG	BĐS	29.2	-0.30%	1.8	699	15.6	(38)	-760.6	2.3	5.0%	2.1%
CEO	BĐS	19.2	0.00%	1.3	388	3.6	312	61.6	1.6	5.2%	2.4%
KBC	BĐS KCN	31.6	1.90%	1.6	953	8.0	1,262	25.0	1.2	22.0%	11.7%
VGC	BĐS KCN	55.9	2.80%	1.3	984	1.3	2,746	20.4	2.6	5.3%	12.5%
GVR	BĐS KCN	33.4	1.80%	1.5	5,247	5.8	628	53.2	2.4	0.5%	6.2%
NKG	VLXD	25.6	2.80%	1.6	265	8.5	1,222	21.0	1.2	14.9%	2.3%
BMP	Vật liệu	112.0	2.20%	1.0	360	0.7	11,594	9.7	3.2	84.1%	39.1%
IJC	Hạ tầng	15.0	0.00%	1.5	222	2.3	865	17.3	1.3	5.2%	10.3%
DXG	BĐS	17.4	-0.60%	1.9	492	4.9	420	41.4	0.8	20.0%	1.1%
VRE	Bất động sản	23.0	-0.60%	1.2	2,053	5.2	1,966	11.7	1.3	27.8%	12.4%
PDR	Bất động sản	26.6	0.20%	1.8	910	5.8	964	27.5	2.0	6.6%	7.2%
DIG	Bất động sản	29.2	-0.30%	1.8	699	15.6	(38)	-760.6	2.3	5.0%	2.1%
HUT	Xây dựng	18.6	2.20%	1.4	652	4.0	73	254.6	1.5	0.0%	0.7%
C4G	Xây dựng	10.6	3.90%	1.4	-	1.2	433	24.5	1.0	0.0%	4.9%
CSV	Hóa chất	66.0	1.50%	1.6	115	1.9	4,370	15.1	2.0	3.8%	16.1%
DHC	Hóa chất	42.0	2.70%	1.1	133	1.4	3,461	12.1	1.8	37.7%	17.2%
DRC	Cao su	33.6	-0.10%	0.7	157	1.3	2,286	14.7	2.1	12.8%	13.2%
PC1	Điện	29.4	5.20%	1.3	359	18.7	651	45.2	1.2	7.1%	4.1%
HDG	BĐS	33.8	2.60%	1.4	406	13.6	2,061	16.4	1.4	18.0%	12.9%
GEX	Điện	23.7	4.40%	1.9	793	21.1	625	37.9	0.9	9.6%	4.1%
QTP	Điện	17.1	3.00%	0.6	-	0.7	1,549	11.0	1.4	1.2%	10.8%
PLX	O&G	40.3	6.90%	1.0	2,011	8.4	2,570	15.7	1.7	17.6%	10.7%
BSR	O&G	22.5	4.20%	1.1	-	16.8	2,588	8.7	1.2	0.0%	15.6%
PLC	O&G	31.6	7.10%	1.5	100	2.0	1,112	28.4	1.9	0.4%	8.4%
ANV	Thủy sản	32.3	1.70%	1.4	169	1.6	(252)	-127.9	1.5	1.5%	1.5%
PTB	Gỗ	71.3	2.70%	0.7	188	2.6	4,765	15.0	1.7	24.9%	10.6%
VSC	Logistics	21.7	-0.50%	1.4	227	9.1	532	40.8	1.7	2.7%	6.2%
HAH	Logistics	42.6	-1.20%	1.4	177	11.1	3,081	13.8	1.4	4.0%	12.1%
VTP	Logistics	81.1	0.10%	1.3	388	4.4	2,980	27.2	6.1	7.1%	25.6%
DBC	Logistics	35.6	3.80%	1.7	339	10.6	1,729	20.6	1.8	10.8%	0.5%
FRT	Bán lẻ	162.3	0.20%	0.8	868	5.0	(2,548)	-63.7	10.8	35.7%	11.8%
QNS	Bán lẻ	51.6	5.30%	0.7	-	9.4	6,737	7.7	2.1	15.2%	27.3%
TNG	Dệt may	25.9	1.20%	1.2	116	2.4	1,981	13.1	1.6	20.7%	12.5%
PVT	O&G	29.2	0.70%	0.9	408	5.3	3,150	9.3	1.0	12.8%	14.3%
DPM	Phân bón	37.0	2.80%	1.2	569	7.9	1,372	27.0	1.2	8.4%	4.2%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

DANH SÁCH CÁC BÁO CÁO ĐẶC BIỆT BSC ĐÃ PHÁT HÀNH GẦN ĐÂY

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link báo cáo
1	BSC_Báo cáo tháng 04/2024_SBV chủ động thực hiện các biện pháp ổn định tỷ giá và lãi suất	x		Click
2	BSC_Báo cáo tháng 03/2024_Câu chuyện tỷ giá và thị trường chứng khoán	x		Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Nâng hạng thị trường chứng khoán Việt Nam	x		Click
5	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 4/2024	x		Click
6	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 3/2024	x		Click
7	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 2/2024	x		Click
8	BSC_Kinh tế vĩ mô và Thị trường chứng khoán Việt Nam tháng 1/2024	x		Click
9	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2024_VN_Cơ hội vượt lên thách thức		x	Click
10	Vietnam Sector Outlook_VN_1Q2024		x	Click
11	Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2024		x	Click
12	BSC_Báo cáo ngành điện		x	Click
13	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2023	x		Click
14	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2023	x		Click
15	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
16	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
17	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
18	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
19	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
20	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
21	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
22	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
23	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

KHUYẾN CÁO SỬ DỤNG

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán.

Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này.

Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

Phòng Phân tích nghiên cứu

Trần Thăng Long

Trưởng phòng Phân tích nghiên cứu

longtt@bsc.com.vn

Nhóm vĩ mô thị trường

Bùi Nguyên Khoa

Trưởng nhóm phân tích Vĩ mô - thị trường

khoabn@bsc.com.vn

Trần Thanh Tùng

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

tungtt@bsc.com.vn

Nguyễn Giang Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhng@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

anhvv@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo

Chuyên viên phân tích Vĩ mô - thị trường

thaopt1@bsc.com.vn

Thông tin liên hệ

Website

<http://www.bsc.com.vn>

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 4, Tầng 9 Tòa nhà President Place

Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings

210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn

(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn

(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn

(+84)2437173639